



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4724 /BTC-CT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

V/v xin ý kiến thẩm định hồ sơ dự
thảo Nghị định quy định về hóa đơn
điện tử, chứng từ điện tử

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026.

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Theo đó, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025).

Ngày 12/3/2026, Bộ Tài chính đã công văn số 2957/BTC-CT gửi các Bộ, ngành, địa phương lấy ý kiến về dự thảo Nghị định. Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng Pháp luật Quốc gia và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tài chính (Cục Thuế) đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức Hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 12 Bộ, 07 cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 27 địa phương; 19 ý kiến từ các doanh nghiệp, hiệp hội, cá nhân, trong đó có 20 ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính xin gửi Quý Bộ hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử để sớm tổ chức thẩm định trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

(Tài liệu kèm theo bao gồm: Dự thảo tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị định; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện)

xã hội, Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ, Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc)

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Vụ PC (BTC);
- Lưu: VT, CT (CS) (3 b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



Dự thảo 09.4.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử
để hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, cần thiết phải sắp xếp, tổ chức bộ máy mới theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; với phương châm “*Lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ*”; và dựa trên ba trụ cột cơ bản: (1) thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế và góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung*

cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu (điểm 5 mục III).

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn (điểm 2 mục III).*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Mình bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về thuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; ... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán*” (điểm 2,1 mục III).

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định: *Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế...; để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn.*

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: ... *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*” (điểm 5 Mục II Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ.*

- Ngày 10/12/2025, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế (QLT) số 108/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 quy định:

“Điều 26. Hóa đơn điện tử

...

6. Chính phủ quy định các nội dung sau: loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.”

Điều 27. Chứng từ điện tử

...

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập chứng từ điện tử; phương thức lập chứng từ điện tử, văn bản hành chính thuế điện tử; kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

5. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao tại Luật này và hướng dẫn thực hiện Luật này theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý; quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết; quy định việc xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý thuế.”

- Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Theo đó, Bộ Tài chính được giao chủ trì Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ.

2. Cơ sở thực tiễn

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Hóa đơn điện tử đã được triển khai thực hiện theo 02 giai đoạn: Từ tháng 11/2021 áp dụng đối với 6

tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định và từ tháng 4/2022 áp dụng đối với 57 tỉnh, thành phố còn lại. Từ 01/7/2022, 100% doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử.

Qua hơn 04 năm triển khai thực hiện hóa đơn điện tử đã đạt được những kết quả quan trọng như nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế, tăng cường bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế, nâng cao hiệu quả thu ngân sách và biện pháp chống thất thu.

Số lượng hóa đơn điện tử tăng qua từng năm cụ thể: 6.271.899.856 (từ khi triển khai đến hết năm 2023); 5.514.761.225 (năm 2024) và 9.109.468.436 (năm 2025). Tổng số hóa đơn điện tử đến cuối năm 2025 là 20.896.129.517 hóa đơn.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Từ trình bày nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định hóa đơn, chứng từ là yêu cầu tất yếu nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật, bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức thực hiện trong thực tiễn, đồng thời phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử phù hợp với nội dung được giao tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và bám sát nguyên tắc cải cách mạnh mẽ công tác quản lý thuế, đẩy mạnh hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ dữ liệu và chuyển đổi số trong quản lý thuế với ba trụ cột: Tạo thuận lợi cho người nộp thuế; Nâng cao hiệu lực và trình độ quản lý thuế; Thúc đẩy số hóa quy trình quản lý thuế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, thể chế hóa chủ trương của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật để tạo khung khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc chuyển đổi số trong quản lý thuế; tái thiết kế quy trình và hệ thống công nghệ

thông tin theo hướng tự động hóa, tích hợp, ra quyết định thông minh, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế.

Thứ hai, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, việc xây dựng Nghị định thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo khả thi, hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật.

Thứ ba, kế thừa những nội dung còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý để phù hợp với quy định của hóa đơn, chứng từ; sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quy định rõ ràng, dễ hiểu nhằm đảm bảo công bằng.

Thứ tư, giảm tối đa thủ tục hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá và lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ. Thủ tục hành chính được gắn với trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức khác có liên quan, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan liên quan.

Thứ năm, đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với xu hướng phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ). Cụ thể:

1. Đăng ký xây dựng Nghị định

Bộ Tài chính đã có công văn gửi Bộ Tư pháp đề Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

2. Soạn thảo Nghị định

- Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025).

- Ngày 12/3/2026, Bộ Tài chính đã công văn số 2957/BTC-CT gửi các Bộ, ngành, địa phương lấy ý kiến về dự thảo Nghị định. Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng Pháp luật Quốc gia và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ Tài chính (Cục Thuế) đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức Hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Nghị định.

- Đến ngày 08/4/2026, Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 12 Bộ, 07 cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 27 địa phương; 19 ý kiến từ các doanh nghiệp, hiệp hội, cá nhân, trong đó có 20 ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định. Đa số các ý kiến góp ý tập trung vào nội dung về các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử tại Điều 8, thời điểm lập hóa đơn tại Điều 9 và các nội dung khác mang tính kỹ thuật, câu chữ để phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn (*Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị định đính kèm*).

3. Ngày /4/2026, Bộ Tài chính có công văn số gửi Bộ Tư pháp đề thẩm định đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP ngày, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đề chỉnh lý, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định.

5. Bộ Tài chính hoàn thiện, chỉnh lý Nghị định và trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 4 Điều 27 và khoản 5 Điều 52 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, gồm:

1. Quy định chi tiết khoản 6 Điều 26 và khoản 4 Điều 27 của Luật Quản lý thuế.

2. Quy định các điều để thực hiện Luật Quản lý thuế theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý tại khoản 5 Điều 52, bao gồm: Các nội dung về xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn, chứng từ gồm: xây dựng thông tin hóa đơn, chứng từ (nguyên tắc chung; xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống

phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ) và tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (nguyên tắc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; tra cứu thông tin hóa đơn điện tử phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường; đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế trách nhiệm của Cục Thuế; trách nhiệm của bên sử dụng thông tin; trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử, khen thưởng người tiêu dùng tổ giắc người bán không lập và giao hóa đơn điện tử kinh phí thực hiện).

1.2. Đối tượng áp dụng:

Dự thảo cơ bản kế thừa đối tượng áp dụng tại Điều 2 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP), bao gồm tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ; người nộp thuế; tổ chức khấu trừ, khai thay, nộp thay; tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử; cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ.

Sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi đối tượng là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác thành tổ chức nước ngoài (bao gồm cả chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số ở nước ngoài) có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và các dịch vụ khác có phát sinh doanh thu tính thuế tại Việt Nam để phù hợp với Luật QLT số 108/2025/QH15.

+ Bỏ đối tượng: *“tổ chức nhận in hóa đơn, chứng từ; tổ chức cung cấp phần mềm tự in chứng từ”* do thực tế hiện nay đã chuyển sang áp dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, không còn cơ chế đặt in hoặc tự in như trước đây. Đồng thời, dự thảo cũng lược bỏ quy định liệt kê chi tiết cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế, cơ quan hải quan mà chỉ quy định chung là “cơ quan quản lý thuế”.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 Chương, 44 Điều, bảo đảm kế thừa kết cấu hợp lý của hệ thống văn bản hiện hành, đồng thời điều chỉnh, sắp xếp lại theo hướng rõ ràng, dễ tra cứu, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau:

Chương I - Quy định chung (06 Điều, từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ; bảo quản, lưu trữ; chuyển đổi hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử sang giấy.

Chương II - Quy định về hóa đơn điện tử (14 Điều, từ Điều 7 đến Điều 20) quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến loại hóa đơn, nội dung, thời điểm

lập, phương thức sử dụng hóa đơn có mã và không có mã của cơ quan thuế; xử lý sự cố; quyền, nghĩa vụ của người bán, người mua; trách nhiệm của cơ quan thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ.

Chương III - Quy định về chứng từ điện tử (09 Điều, từ Điều 21 đến Điều 29) quy định về loại chứng từ, nội dung, thời điểm lập, phương thức lập, kết nối truyền dữ liệu, trách nhiệm của các bên liên quan.

Chương IV - Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (11 Điều, từ Điều 30 đến Điều 41) gồm 02 mục:

- Mục 1: Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin hóa đơn, chứng từ;
- Mục 2: Tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Chương V - Điều khoản thi hành (03 Điều, từ Điều 42 đến Điều 44) quy định về hiệu lực, chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung (13 Điều)

(1) Giải thích từ ngữ (Điều 3): quy định, làm rõ một số thuật ngữ chuyên môn nhằm bảo đảm thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện, gồm khoản trong đó:

- Nội dung mới bổ sung việc tham chiếu các từ ngữ quy định tại Nghị định này có nghĩa như quy định tại Luật Quản lý thuế;

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: (1) Hóa đơn, chứng từ giả; (2) Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ; (3) Quy định rõ hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền bao gồm cả hóa đơn không mã của cơ quan thuế;

- Nội dung kế thừa: (1) Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, (2) Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, (3) Máy tính tiền; (4) Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ; (5) Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; (6) Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; (7) Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ; (8) Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; (9) Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

(2) Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ (Điều 4) gồm 5 khoản cơ bản kế thừa quy định của tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), trong đó:

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: Nguyên tắc lập hóa đơn, cung cấp dịch vụ cho phù hợp với nguyên tắc tại khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/NĐ-CP, bổ sung rõ máy móc, thiết bị cho mượn là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ phục vụ gia công hàng hóa của bên cho mượn không thu tiền

không chuyển quyền sở hữu, hàng mượn tạm nhập tái xuất hoặc tạm xuất tái nhập thuộc đối tượng không chịu thuế thì không phải xuất hóa đơn.

- Nội dung kế thừa: (1) Nguyên tắc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; (2) Việc đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; (3) Dữ liệu hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, dữ liệu chứng từ khi thực hiện các giao dịch nộp thuế, khấu trừ thuế; (4) Hóa đơn tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí.

(3) Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 8): Cơ bản kế thừa quy định về đối tượng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế và bổ sung chứng khoán, tài sản mã hóa thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của CQT; đối tượng sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế; đối tượng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định từ Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong đó:

- Nội dung mới: quy định các trường hợp không sử dụng hóa đơn điện tử được giao tại Điều 26 Luật QLT 108/2025/QH15 bao gồm: (1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân không phải sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (trừ trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có bán hàng hóa thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng); (2) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thông qua sàn thương mại điện tử có chức năng thanh toán, đã được chủ quản sàn thương mại điện tử thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo từng giao dịch thì không phải lập hóa đơn điện tử, trừ trường hợp người mua yêu cầu thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện lập hóa đơn điện tử giao cho người mua hoặc ủy nhiệm cho bên thứ ba lập hóa đơn điện tử; (3) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản; thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; (4) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã được doanh nghiệp thực hiện khấu trừ theo quy định pháp luật quản lý thuế; (5) Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), giao dịch nhận tiền gửi, giao dịch tài chính (phát hành chứng khoán sơ cấp, giấy tờ có giá), và giao dịch sản phẩm phái sinh; (6) Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 và điểm b Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP không sử dụng hóa đơn điện tử.

Việc bổ sung này nhằm phù hợp với bản chất giao dịch, tránh thủ tục trùng lặp, giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý thuế. Ngoài ra, dự thảo quy định rõ các trường hợp không phải lập hóa đơn gồm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ, hoặc các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để thống nhất với Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về thuế giá trị gia tăng và tránh phát sinh nghĩa vụ lập hóa đơn không cần thiết.

- Nội dung bổ sung mới: (1) Trường hợp tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã thì không bắt buộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền;

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: (1) Dự thảo thực hiện chỉnh lý kỹ thuật theo hướng thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế” nhằm bảo đảm phạm vi điều chỉnh bao quát đầy đủ các chủ thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư, trong đó “tổ chức kinh tế” được sử dụng để chỉ các chủ thể có tư cách pháp lý thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chỉnh lý này không làm thay đổi chính sách, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan mà nhằm thống nhất thuật ngữ với pháp luật hiện hành, bảo đảm tính bao quát, đồng bộ; (2) Sửa đổi, bổ sung đối tượng được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gồm: (i) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân có doanh thu năm dưới 01 tỷ đồng không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân có bán hàng hóa thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu; quyền sử dụng; (ii) quy định rõ: Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác (nếu có); (3) Cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công là người nộp thuế giá trị gia tăng bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn; (4) Sửa đổi cơ quan thuế cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh để phù hợp với pháp luật quản lý thuế; (5) Sửa đổi việc lập hóa đơn đối với ủy thác xuất khẩu hàng hóa.

- Nội dung kế thừa: (1) Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT; (2) Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ,

phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý; Quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài (đang được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính).

(4) Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9) gồm 05 khoản cơ bản kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung quy định không lập hóa đơn đối với trường hợp thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự; (2) Bổ sung một số dịch vụ phát sinh thường xuyên cần có thời gian đối soát lập hóa đơn sau 07 ngày: dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ quảng cáo trên các trang báo điện tử, nền tảng số, dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ bảo vệ cho phù hợp với thực tế và Nghị quyết 05/2025/NQ-CP về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa; (3) bổ sung việc lập hóa đơn hợp đồng bảo hiểm; (4) bổ sung quy định cho phép lập hóa đơn tổng cuối ngày hoặc cuối tháng đối với một số dịch vụ cung cấp cho cá nhân không có nhu cầu lấy hóa đơn, có hệ thống quản lý giao dịch điện tử, nhằm giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm cung cấp dữ liệu chi tiết khi cơ quan nhà nước yêu cầu; (5) Trường hợp giao dịch phát sinh trong giờ làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động, thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

- Nội dung kế thừa: (1) Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa; (2) Thời điểm lập hóa đơn đối với trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc theo từng mục, công đoạn dịch vụ.

(5) Nội dung của hóa đơn (Điều 10) gồm 16 khoản cơ bản kế thừa quy định tại Điều 10 Nghị định 123 /2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) Bổ sung ghi mã địa điểm kinh doanh trên hóa đơn để hệ thống của cơ quan thuế hỗ trợ việc lập tờ khai tự động; Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thì phải ghi rõ mã địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn; (2) Đối với hóa đơn điện tử lập theo hình thức ủy nhiệm, yêu cầu thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm được pháp điển hóa từ quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính. Việc nâng quy định này lên cấp Nghị định nhằm bảo đảm thứ bậc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, tăng tính ổn định, minh bạch và xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong quan hệ ủy nhiệm lập hóa đơn; Trường hợp bán đấu giá tài sản để thi hành án thì hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ quan được giao bán đấu giá tài sản; (3) Bổ sung đối với mặt hàng xăng dầu thì trên hóa đơn thể hiện rõ mặt hàng theo Danh mục xăng dầu do Liên Bộ Công Thương - Tài chính ban hành để giúp cho các cơ quan chức năng quản lý theo từng mặt hàng; (4) Bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với

hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô mới ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng người mua không phải khai tờ khai lệ phí trước bạ; cơ quan thuế xác định lệ phí trước bạ và thông báo cho người mua số tiền phải nộp; (5) Bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT và thuế suất thuế TNCN trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; (6) Bổ sung hóa đơn điện tử ủy nhiệm, hóa đơn tổng và hóa đơn thương mại không nhất thiết phải có một số chỉ tiêu.

- Nội dung kế thừa: (1) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; (2) Số hóa đơn; (3) Chữ ký của người bán, chữ ký của người mua; (4) Thời điểm lập hóa đơn, (5) Thời điểm ký số; (6) Mã của cơ quan thuế; (7) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, chiết khấu thương mại, khuyến mại (nếu có); (8) Chữ viết, chữ số và đồng tiền thể hiện trên hóa đơn; (9) Nội dung của hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền; (10) Nội dung khác trên hóa đơn; (11) Nội dung hóa đơn bán tài sản công; (12) hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

(6) Sử dụng miễn phí hóa đơn điện tử (Điều 11) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có sửa đổi tham chiếu mang tính tổng quát.

- Nội dung bổ sung mới: Tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua Hệ thống thông tin quản lý thuế.

(7) Xử lý sự cố (Điều 14) gồm 05 khoản cơ bản kế thừa Điều 20 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, đồng thời chỉnh lý kỹ thuật để phù hợp với mô hình tổ chức của Cục Thuế và Hệ thống thông tin quản lý thuế hiện hành, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: hướng dẫn xử lý sự cố khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, sự cố mất điện diện rộng, sự cố viễn thông diện rộng hoặc sự kiện khách quan khác làm cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế không thể thực hiện việc lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đúng thời hạn.

- Nội dung sửa đổi: Cách diễn đạt về việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử khi gặp sự cố được xác định là sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- Nội dung kế thừa: (1) lỗi người bán; (2) lỗi do tổ chức cung cấp dịch vụ; (3) trường hợp Hệ thống thông tin quản lý thuế gặp lỗi.

(8) Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý hóa đơn, chứng từ (Điều 19) cơ bản kế thừa Điều 57 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gồm 03 khoản, có sửa đổi cho phù hợp với cơ cấu tổ chức theo bộ máy mới và bổ sung trách

nhiệm cấp hóa đơn điện tử từng lần phát sinh cho các đối tượng thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử.

(9) Thời điểm lập chứng từ (Điều 23) gồm 02 khoản cơ bản kế thừa quy định tại Điều 31 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: Đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản sô, chuyển nhượng vàng miếng, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng trong trường hợp khoản thu nhập này đã được tổ chức chi trả hoặc tổ chức khấu trừ thuế thực hiện khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân tại nguồn thì tổ chức chi trả hoặc tổ chức khấu trừ thuế không phải lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

- Nội dung sửa đổi: (1) Thời điểm lập chứng từ khấu trừ thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc lập chứng từ tại Điều 4 Nghị định để thống nhất cách hiểu giữa các điều.

- Nội dung kế thừa: Thời điểm ký số trên chứng từ.

(10) Sử dụng miễn phí dịch vụ về chứng từ điện tử (Điều 27) gồm 03 khoản cơ bản kế thừa Điều 34 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: Hộ, cá nhân kinh doanh có sử dụng dưới 10 người lao động và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được sử dụng miễn phí nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trong việc sử dụng hóa đơn điện tử; Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng miễn phí hóa đơn điện tử;

- Nội dung kế thừa: (1) Nhà nước đảm bảo kinh phí; (2) Trường hợp NNT sử dụng dịch vụ về chứng từ của tổ chức cung cấp dịch vụ.

(11) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử (Điều 28) gồm 05 khoản, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế phí, lệ phí; Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí gửi cho cơ quan thuế theo bảng tổng hợp dữ liệu biên lai điện tử.

- Nội dung kế thừa: (1) quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản; (2) lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ; (3) Chấp hành sự kiểm tra, đối chiếu của cơ quan quản lý thuế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(12) Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 35) cơ bản kế thừa Điều 46 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: đối tượng nhận ủy nhiệm lập hóa đơn là đối tượng sử dụng thông tin; Các tổ chức được ủy quyền của tổ chức kinh tế là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

- Nội dung kế thừa: (1) Cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin; (2) Các bên sử dụng thông tin.

(13) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 36) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa Điều 47 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong nhóm là bên sử dụng thông tin là tổ chức kinh tế; bổ sung tổ chức được ủy quyền là bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khác; (2) Bổ sung hình thức cung cấp API chủ động từ Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử do nhiều tổ chức cung cấp giải pháp đang đề nghị được API dữ liệu hóa đơn người nộp thuế theo đề nghị của NNT để phục vụ công tác hỗ trợ tổng hợp dữ liệu lên tờ khai thuế của NNT; (3) Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

- Nội dung kế thừa: Việc cấp tối đa 02 tài khoản tra cứu.

3.2. Nội dung mới so với hiện hành (03 Điều).

Dự thảo Nghị định bổ sung 03 Điều mới so với Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

(1) Phương thức lập chứng từ điện tử quy định (Điều 25): (1) Chứng từ điện tử được lập bằng phương tiện điện tử theo phương thức điện tử trực tiếp trên hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong quản lý thuế ; (2) Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực giao dịch phát sinh; tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

(2) Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử (Điều 26): (1) Người nộp thuế, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ về chứng từ điện tử có trách nhiệm thực hiện kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan quản lý thuế thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan quản

lý thuế hoặc hệ thống trung gian theo quy định; (2) Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm; (3) Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến việc không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thuế và thực hiện truyền dữ liệu ngay sau khi sự cố được khắc phục; (4) Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết chuẩn kết nối, phương thức truyền nhận, tần suất truyền dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật đối với việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

Việc quy định như trên đảm bảo nguyên tắc cơ bản của chứng từ điện tử theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và quy định các nguyên tắc về kết nối, tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

(3) Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 40): (1) Quy định cụ thể về điều kiện khen thưởng đối với người tiêu dùng cung cấp thông tin về hành vi không lập, không giao hóa đơn điện tử (thông tin phải trung thực, có căn cứ, được cơ quan thuế xác minh và đã có quyết định xử phạt); (2) Nội dung thông tin tố giác; (3) Hình thức tiếp nhận thông tin tố giác; (4) Nguyên tắc xác định khen thưởng (công khai, minh bạch, bảo mật, mỗi vụ việc chỉ khen thưởng một lần); (5) Quy định mức chi khen thưởng người tiêu dùng cung cấp thông tin phản ánh hành vi không lập và giao hóa đơn của 01 vụ việc không quá 10% số tiền xử phạt vi phạm hành chính, tối đa 10.000.000 đồng/01 vụ việc. Giao Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục khen thưởng và quản lý sử dụng kinh phí khen thưởng.

Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã giao Bộ Tài chính quy định về khen thưởng người tiêu dùng tố giác hành vi không lập, không giao hóa đơn của người bán. Tuy nhiên, để Bộ Tài chính có cơ sở thực hiện, cần thiết phải quy định tại Nghị định các nội dung mang tính nguyên tắc như: điều kiện, tiêu chí khen thưởng; nội dung, hình thức tiếp nhận thông tin; nguyên tắc xác minh, xử lý; nguyên tắc chi trả, mức chi và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước. Việc quy định tại Nghị định nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, đúng thẩm quyền, làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện và hướng dẫn chi tiết.

3.3. Nội dung bãi bỏ gồm 04 vấn đề sau:

(1) Bãi bỏ quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy

Bãi bỏ toàn bộ các quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy, bảo đảm phù hợp với chủ trương chuyển đổi hoàn toàn sang hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, đồng thời góp phần cắt giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ.

(2) Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

Bãi bỏ nội dung “hóa đơn, chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc” trong giải thích từ ngữ “sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ” nhằm bảo đảm nguyên tắc xử lý vi phạm phù hợp với tính chất, mức độ hành vi, tránh phát sinh cách hiểu và áp dụng chế tài chưa hợp lý trong thực tiễn.

(3) Bỏ quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Bỏ quy định cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp đã giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế do các chủ thể này không còn tư cách pháp lý theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản để thực hiện nghĩa vụ thuế và không còn phù hợp với thực tiễn vận hành của hệ thống quản lý thuế. Hiện nay, hệ thống ứng dụng quản lý thuế hiện hành được thiết kế gắn với mã số thuế của người nộp thuế, do đó, khi mà tài sản còn lại sau giải thể chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần; hoặc khi phá sản hoặc đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì tài sản của doanh nghiệp đã được xử lý xong.

(4) Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ

Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngân hàng do ngân hàng không cung cấp dịch vụ hay thu phí đối với các hoạt động ngoại tệ thực hiện theo pháp luật về tổ chức tín dụng.

4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Đồng thời nội dung của hóa đơn (tại Điều 9 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa quy định tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và sửa đổi câu chữ theo hướng rõ ràng, bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô cần ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng bỏ tờ khai lệ phí trước bạ; bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Dự thảo Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thuế chủ yếu bằng phương thức điện tử; cắt giảm thành phần hồ sơ giấy; đơn giản hóa quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo nguyên tắc một lần cung cấp, nhiều lần sử dụng, thời hạn cung cấp thông tin được chuẩn hóa, rút ngắn, quy định rõ, qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

5. Nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định đã phân cấp cho Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số nội dung về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (tại 11 Điều), phân cấp cho UBND (1 điều) cụ thể:

5.1. Phân cấp cho Bộ Tài chính/Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn:

- Các trường hợp lập hóa đơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định).

- Các trường hợp rủi ro cao về thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 1 Điều 8).

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 2 Điều 8).

- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo yêu cầu quản lý (khoản 5 Điều 8).

- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế (khoản 16 Điều 9).

- Các trường hợp khác lập hóa đơn theo kỳ quy ước theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính (điểm a khoản 4 Điều 9).

- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (khoản 4 Điều 36).

- Sử dụng tem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 3 Điều 39).

- Mẫu hóa đơn điện tử tích hợp biên lai điện tử theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (khoản 6 Điều 4).

- Mẫu đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (điểm b khoản 2 Điều 8).

- Mẫu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (điểm a.1 khoản 3 Điều 16).

5.2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân:

Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thuế để rà soát, phân loại và có giải pháp thúc đẩy người nộp thuế chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện

từ khởi tạo từ máy tính tiền nhưng chưa thực hiện chuyển đổi do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để có giải pháp hỗ trợ kịp thời về hạ tầng công nghệ thông tin (Điều 43)

6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*: Không có

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định

Việc triển khai thực hiện Nghị định do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết gồm:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định.

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Do vậy, không ảnh hưởng nguồn nhân lực, không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu xin gửi kèm theo:

- (1) Dự thảo Nghị định;*
- (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ*
- (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;*
- (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc;*
- (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.*
- (6) Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (BTC);
- Lưu: VT, CT (VT, PC, CS 3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn